

## **Phụ lục II**

# **HƯỚNG DẪN KHẢO SÁT, THU THẬP, CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

*(Kèm theo Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc khảo sát, thu thập thông tin giá vật liệu xây dựng trên địa bàn đảm bảo khách quan, đáp ứng kịp thời việc phục vụ công bố theo quy định.

2. Trình tự thu thập, khảo sát giá, công bố thông tin về giá vật liệu xây dựng được xác định theo các bước sau:

a) Bước 1: Thực hiện thu thập thông tin liên quan đến giá vật liệu, tổ chức khảo sát, nắm bắt thông tin thị trường, tình hình biến động giá và khả năng cung ứng vật liệu xây dựng;

b) Bước 2: Rà soát, xử lý thông tin thu thập, khảo sát; công bố thông tin về giá các loại vật liệu xây dựng theo quy định.

3. Tổ chức thực hiện:

a) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng danh sách các đầu mối cung cấp thông tin về giá vật liệu trên thị trường xây dựng (gồm các chủ đầu tư, nhà thầu thi công của một số dự án đầu tư công trên địa bàn, một số doanh nghiệp sản xuất, cung ứng vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh) để chủ động về nguồn thông tin dữ liệu phục vụ công tác thu thập, tổng hợp, công bố giá vật liệu xây dựng đảm bảo kịp thời nắm bắt thông tin, bám sát diễn biến thị trường, có phương án điều tiết khi cần thiết.

Đồng thời, chủ trì xây dựng, ban hành hướng dẫn, biểu mẫu, phương thức cung cấp thông tin để các doanh nghiệp, đơn vị trong danh sách các đầu mối nêu trên thực hiện. Sử dụng phương thức cung cấp thông tin qua trang thông tin điện tử và các ứng dụng công nghệ thông tin để thuận tiện cho việc thu thập, tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ công bố giá kịp thời, đồng thời thuận lợi cho việc công bố và kết nối đăng tải lên Hệ thống thông tin, dữ liệu về định mức xây dựng, giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng.

Người đại diện theo pháp luật của các doanh nghiệp, đơn vị trong danh sách các đầu mối nêu trên có trách nhiệm cung cấp thông tin theo đúng hướng dẫn và quy định của Sở Xây dựng, đảm bảo tính chính xác, kịp thời và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin cung cấp.

b) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để tổ chức khảo sát, nắm bắt thông tin thị trường tình hình biến động giá và khả năng cung ứng một số loại vật liệu chủ yếu; kiểm tra, giám sát việc thực hiện niêm yết, kê khai, cung cấp thông tin về giá vật liệu xây dựng trên địa bàn theo định kỳ hoặc đột xuất (khi có dấu hiệu tăng giá bất thường) làm cơ sở phân tích, đánh giá phục vụ công tác công bố thông tin về giá vật liệu phù hợp với mặt bằng giá thị trường.

c) Trên cơ sở kết quả thu thập, khảo sát thông tin giá vật liệu, Sở Xây dựng tổ chức rà soát, xử lý thông tin và quyết định việc công bố thông tin giá các loại vật liệu. Việc rà soát, xử lý thông tin phải bảo đảm loại bỏ các thông tin không hợp lệ, không rõ nguồn gốc, các mức giá có biến động bất thường không phản ánh mặt bằng chung của thị trường; chuẩn hóa các thông tin giá về cùng điều kiện so sánh.

Thông tin giá công bố là giá bình quân trong kỳ công bố của từng loại vật liệu xây dựng cụ thể theo chủng loại, quy cách, tại từng nguồn cung cấp (tại mỏ, nơi sản xuất, đại lý, nhà cung ứng) hoặc giá bình quân trong khu vực cụ thể trên địa bàn. Giá bình quân được xác định trên cơ sở các thông tin giá đã được rà soát, xử lý, phản ánh mức giá phổ biến của thị trường trong kỳ công bố.

d) Công bố thông tin về giá vật liệu xây dựng được thực hiện theo biểu mẫu và các quy định tại Thông tư hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

e) Sở Xây dựng có thể thuê tổ chức tư vấn có năng lực thực hiện công tác thu thập, khảo sát, xử lý thông tin phục vụ công bố thông tin giá vật liệu xây dựng, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện và chất lượng của kết quả do tổ chức tư vấn thực hiện trước khi ban hành công bố thông tin về giá vật liệu xây dựng.

#### 4. Phương pháp xác định giá bình quân trong kỳ công bố:

a) Giá bình quân của từng loại vật liệu xây dựng cụ thể trong kỳ công bố (tháng hoặc quý) được xác định theo phương pháp trung bình số học đơn giản trên cơ sở tổng hợp các mức giá khảo sát, thu thập theo các mốc thời gian trong kỳ công bố của các đơn vị cung cấp thông tin đã được rà soát, xử lý và chuẩn hóa quy định tại điểm c khoản 3 mục này.

b) Đối với nhóm vật liệu có ít chủng loại, đặc tính kỹ thuật, mẫu mã (như cát, đá, xi măng, thép, nhựa đường, bê tông thương phẩm...): Giá bình quân được xác định riêng cho từng loại vật liệu theo đúng quy cách, chỉ tiêu kỹ thuật, thương hiệu hoặc của từng doanh nghiệp sản xuất hoặc đơn vị cung ứng công bố.

c) Đối với nhóm vật liệu có nhiều chủng loại, đặc tính kỹ thuật, mẫu mã và có nhiều mức giá phụ thuộc theo mẫu, mã sản phẩm (như gạch xây, gạch ốp lát,

vật liệu, thiết bị điện, nước...): Giá bình quân được xác định cho từng nhóm sản phẩm cùng thương hiệu, tương đồng về tiêu chuẩn chất lượng, quy cách, chỉ tiêu kỹ thuật, kích thước, mẫu mã theo danh mục sản phẩm của từng nhà sản xuất; không thực hiện tính bình quân chung đối với các sản phẩm khác nhau về thương hiệu, đặc tính kỹ thuật, mẫu mã, phân khúc thị trường và nhà sản xuất.

d) Xác định giá bình quân đối với một số nhóm vật liệu xây dựng điển hình:

\* Đối với nhóm vật liệu có ít chủng loại, đặc tính kỹ thuật, mẫu mã (Mặt hàng Xi măng):

Đối tượng xác định giá: Xi măng bao PCB40 của Nhà sản xuất A trên địa bàn xã X trong tháng công bố.

Thông tin giá thu thập sau khi rà soát, chuẩn hóa về cùng điều kiện giao nhận từ 03 đại lý, nhà cung ứng trên địa bàn xã X lần lượt là: giá tại Đại lý số 1 là 1.500 đồng/kg; Giá tại Đại lý số 2 là 1.520 đồng/kg; giá tại Đại lý số 3 là 1.510 đồng/kg.

Giá bình quân công bố của Xi măng bao PCB40 do Nhà sản xuất A cung ứng tại địa bàn xã X trong tháng được xác định như sau:

$$\text{Giá bình quân} = \frac{1.500 + 1.520 + 1.510}{3} = 1.510 \text{ đồng/kg}$$

\* Ví dụ đối với nhóm vật liệu có nhiều chủng loại, đặc tính kỹ thuật, mẫu mã (mặt hàng gạch ốp lát):

Đối tượng xác định giá: gạch ceramic lát nền, kích thước 600mm x 600mm, loại 1 của Nhà sản xuất B trên địa bàn tỉnh trong tháng công bố. Qua thông tin dữ liệu khảo sát, dòng sản phẩm này của Nhà sản xuất B có 05 mã sản phẩm tương đồng về đặc tính kỹ thuật, chỉ khác nhau về họa tiết, mẫu mã với các mức giá niêm yết lần lượt là: mã 01 là 170.000 đồng/m<sup>2</sup>; mã 02 là 172.000 đồng/m<sup>2</sup>; mã 03 là 175.000 đồng/m<sup>2</sup>; mã 04 là 168.000 đồng/m<sup>2</sup>; mã 05 là 170.000 đồng/m<sup>2</sup>.